

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 30/10/2020

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P8+P3+P5	7:25	20+0-2	0+0+0		12+3+7	0+0+0	
2		AMD+CTK3+PPD	7:25	10+3+0	0+0+0		9+0+13	0+0+0	Chuyen 1 AMD-CTK3
3		TD1+P6	7:25	14+8	0+0		8+14	0+0	
4		CLO	7:25	22	0		22	0	
5		RP3+VSP01	7:25	19+3	0+0		19+3	0+0	
6		CLO+VSP01	9:25	8+14	0+0		7+15	0+0	
7		RP3	9:25	22	0		22	0	
8		PPD+TD1	9:25	9+13	0+0		2+20	0+0	
9		TGTH5+TGTH4+AMD	9:25	4+3+8	0+0+0		2+3+17	0+0+0	
10		F6+TTC1+TTC2	9:25	10+7+5	0+0+0		4+9+9	0+0+0	
11		P4+P7+P1	11:25	14+0+0	0+0+0		18+2+2	0+0+0	Chuyen 1 P4-P7Chuyen 1 P4-P1
12		P6+P8	11:25	15+7	0+0		7+15	0+0	
13		PPD+CLO	11:25	11+8	0+0		10+12	0+0	
14		BK5+VSP01	13:25	8+14	0+0		6+16	0+0	

TTDBSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
đi về trong ngày P8-5ng



FLIGHT MANIFEST



DATE: 30/10/2020	TO: P8 - P3 - P5	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: QViệt - Hôi - Nam	ETA: 09:10
xanh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LE HONG DAI	P8	20	1	5		70	D-HANH	Vietnamese
2	NGUYEN QUOC PHONG	P8	19	1	5		65	D-HANH	Vietnamese
3	NGUYEN VAN QUY	P8					65	KH-THAC	Vietnamese
4	CHU MINH HUNG	P8	21	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI DINH PHI	P8					62	NPI	Vietnamese
6	PHAN VAN THINH	P8	16	1	5		75	NPI	Vietnamese
7	DOAN QUYET THANG	P8	06	1	5	30	65	YTE	Vietnamese
8	OVCARENKO A N	P8	11-12	2	12		90	KH-THAC	Russian
9	HUYNH CHANH PHAT	P8	13	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
10	LUONG VAN QUYET	P8	15	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN VIET KHA	P8	17	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
12	LE QUANG HIEN	P8	08	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
14	TRAN QUOC VIET	P8	005	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN HUU DUNG	P8	07	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN NGOC TIEN	P8	01-02	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN XUAN HAI	P8	09	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN DUC HUNG	P8	10	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAM VAN LOI	P8	03-04	2	15		60	KH-THAC	Vietnamese
20	PHAN ANH DUC	P8	14	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
21	NG. TRUNG DUONG	P5	07	1	5	55	70	KH-THAC	Vietnamese
22	NHAM DUC TUAN	P5	88-89	2	12		70	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

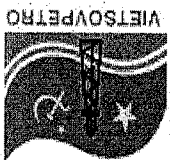
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P8	20	20	107	1.352	30	12	3	
2	P3	0	0	0	0	0	3	7	
3	P5	2	3	17	140	55	7		
TOTAL		22	23	124	1.492	85	22		
WEIGHT KG				124	1.492	85			

GRAND TOTAL: 1.701 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 30/10/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	TO: AMD - CTK3 - PPD	CREW: Nam - Vành - Hieu	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
-----	---------	-----	-----	-----	-----	-------	--------	---------	--------

1	TRINH THUONG MAI	AMD	39-40	2	14		58	TLJOC	Vietnamese
2	TRINH BICH NGOC	AMD	38	1	10		69	TLJOC	Vietnamese
3	TRAN VAN CHINH	AMD	50	1	7		64	HLJOC	Vietnamese
4	NGUYEN DINH NAM	AMD	51-52	2	10		85	HLJOC	Vietnamese
5	TRAN NHUT	AMD	43-44	2	12		56	HLJOC	Vietnamese
6	TRAN BUC QUAN	AMD	46-47	2	12		75	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN THANH TAN	AMD	42	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
8	LE BUC TAM	AMD	48-49	2	20		73	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN VAN TAN	AMD	45	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN VAN TRUNG	AMD	41	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
11	TRAN VAN CAN	CTK3	78	1	3		63	D-HANH	Vietnamese
12	NGUYEN HOAI VU	CTK3	77	1	5	70	65	D-HANH	Vietnamese
13	KRAPIVKA	CTK3	79	1	4		85	KH-THAC	Russian
14	NGUYEN TRUONG SON	PPD	89,94	2	15		57	KHI	Vietnamese
15	PHAM VAN THIET	PPD	95	1	6		64	KHI	Vietnamese
16	TRAN NGUYEN TAN TAI	PPD	88	1	6		93	KHI	Vietnamese
17	DINH NGOC QUY	PPD	92	1	4		74	KHI	Vietnamese
18	DANG HONG QUAN	PPD	91	1	5		72	KHI	Vietnamese
19	VO QUANG DAT	PPD	93	1	6		58	KHI	Vietnamese
20	PHAM BUC TUAN	PPD	87	1	5	20	69	KHI	Vietnamese
21	NGUYEN VIET DAT	PPD					75	KHI	Vietnamese
22	LE HONG PHONG	PPD	90	1	5		65	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO		
1	AMD	10	15	109	700	0	9			CHUYEN 01 PAX TU AMD TU CTK3
2	CTK3	3	3	12	213	70	0			
3	PPD	9	9	52	627	20	13			
TOTAL		22	27	173	1,540	90	22			
WEIGHT KG										

GRAND TOTAL: 1.803 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 30/10/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:50
FLIGHT: 3	TO: TDI - P6	CREW: BUC - MTHANG - TDUNG	ETA: 09:30
NAU-1A			

No.	PAX NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TÔ ĐÌNH TUYNH	TDI	05	1	8		73	KHOAN	Vietnamese
2	THAI BUC TOAN	TDI	06	1	3		59	KHOAN	Vietnamese
3	VU VAN QUY	TDI	08	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
4	TRAN VAN PHONG	TDI	13	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN TIEN QUANG	TDI	17	1	3		74	KHOAN	Vietnamese
6	TRINH HUY TOAN	TDI	09	1	5		64	KHOAN	Vietnamese
7	PHAM QUANG ANH	TDI	18-19	2	12		77	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN VAN GIANG	TDI	11	1	2		63	KHOAN	Vietnamese
9	HOANG NGOC SON	TDI	07	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
10	HÔ VAN HAU	TDI	12	1	4		62	KHOAN	Vietnamese
11	LUU THIEN BUC	TDI	15-16	2	8	68	61	KHOAN	Vietnamese
12	LE VAN TRUONG-PVDT	TDI	10	1	7		66	KHOAN	Vietnamese
13	TÀ QUANG THANH	TDI	20-21	2	10		66	YTE	Vietnamese
14	PHAM HONG QUY	TDI	14	1	12		66	DVL	Vietnamese
15	ĐÌNH QUANG TRUNG	P6	40	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN NGO HOAN	P6	35-36	2	12		63	YTE	Vietnamese
17	TÀ VÂN VIỆT	P6	41	1	10		63	KH-THAC	Vietnamese
18	GOLOVIN G. V	P6	38	1	10		105	KH-THAC	Russian
19	HOANG TUAN	P6	37	1	10		60	KH-THAC	Vietnamese
20	VU DINH SY	P6	44-45	2	18	50	70	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN XUAN CU	P6	39	1	5		54	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN HOANG DAN	P6	43	1	3	20	63	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO		
1	TDI	14	17	89	917	68	8			
2	P6	8	10	73	556	70	14			
TOTAL		22	27	162	1.473	138	22			
WEIGHT KG					1.473	138				

GRAND TOTAL: 1.773 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 30/10/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:40
FLIGHT: 4	TO: CLO	CREW: HUNG - Khang - Nam	ETA: 09:20
trang-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DINH XUAN PHU*TT	CLO	03	1	4		73	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYEN DINH SAN	CLO	18	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
3	HOANG VAN HUNG	CLO	10	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
4	PHAN CONG PHU	CLO	01-02	2	12		83	KHOAN	Vietnamese
5	LA VIET HUNG	CLO	06	1	9		72	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN VAN VINH	CLO	17	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN TIEN SINH	CLO	08	1	7		64	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN NGOC LY	CLO	11	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN TRONG NHAT	CLO	07	1	4		55	KHOAN	Vietnamese
10	PHAM VAN TAM	CLO	16	1	3		60	KHOAN	Vietnamese
11	PHAN QUANG HIEN	CLO	21	1	8		70	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN MANH HUNG	CLO	22	1	9		73	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN VAN KHOA	CLO	09	1	3		65	KHOAN	Vietnamese
14	PHUNG BA TUAT	CLO	13	1	3		80	KHOAN	Vietnamese
15	NG VAN THANG*MC-PVD	CLO	14-15	2	9	80	70	KHOAN	Vietnamese
16	DO TRUONG GIANG	CLO	20	1	9		78	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN CONG BANG	CLO	19	1	10		75	KHOAN	Vietnamese
18	VU MANH HUNG	CLO	04	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
19	VU VAN DANG	CLO	05	1	3		54	KHOAN	Vietnamese
20	BUI XUAN DUY	CLO	29	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYEN QUANG TIEN	CLO	23	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
22	NG VAN LUC*CAM-PVDI	CLO	12	1	3		66	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	REMARK
		DEPARTURE						ARRIVAL	
1	CLO	22	24	133	1.553	80	22		
TOTAL		22	24	133	1.553	80	22		
WEIGHT KG					133	1.553	80		

GRAND TOAL: 1.766 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 30/10/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETA: 07:45
FLIGHT: 5	TO: RP3 - VSP01	CREW: Văn - KHOAN - DUNG	ETA: 09:25
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN TRONG TAM	RP3	59	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN HOANG NAM	RP3	39	1	5		79	KHI	Vietnamese
3	BUI VAN PHU	RP3	47	1	2		70	KHI	Vietnamese
4	VU MANH CUONG	RP3	58	1	3		66	KHI	Vietnamese
5	LE DUC VIET	RP3	48	1	4		70	KHI	Vietnamese
6	NGUYEN CHINH THI	RP3	55	1	2		75	KHI	Vietnamese
7	LE HOANG ANH	RP3	65	1	7	40	68	KHI	Vietnamese
8	LE NHU NGUYEN	RP3	63-64	2	10		63	KHI	Vietnamese
9	NGUYEN TAT THANH	RP3	46	1	7		66	KHI	Vietnamese
10	NGUYEN THANH HA	RP3	44	1	8		84	KHI	Vietnamese
11	LE XUAN HIEN	RP3	61-62	2	13		70	KHI	Vietnamese
12	NGUYEN VIET KY	RP3	49	1	4		68	KHI	Vietnamese
13	DOAN XUAN DUONG	RP3	45	1	8		61	XAYLAP	Vietnamese
14	TRAN DUY ANH	RP3	56-57	2	12		72	XAYLAP	Vietnamese
15	PHAM VAN CHINH	RP3	40-41	2	13		80	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYEN GIA HIEU	RP3	50	1	10	15	60	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYEN TIEN DUNG	RP3	42-43	2	16		70	XAYLAP	Vietnamese
18	LEBDEVA	RP3	53-54	2	11		65	NPI	Russian
19	ZAMERIN	RP3	52	1	6		82	NPI	Russian
20	VU QUANG THANH	VSP01	50-51	2	9		65	YTB	Vietnamese
21	PASKEVICH V.V.	VSP01	49	1	12	65	100	KH-THAC	Russian
22	TRUONG HIEN	VSP01	52-53	2	12		83	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	19	25	147	1.337	55	19		
2	VSP01	3	5	33	248	65	3		
TOTAL		22	30	180	1.585	120	22		
WEIGHT KG					180	1.585			

GRAND TOTAL: 1.885 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 30/10/2020	TO: CLO - VSP01	AIRCRAFT: 427	ETA: 09:40
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: QViet - Hoi - Nam	ETA: 11:20
xanh-2			

No.	PAX NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN SON	CLO	30	1	10		70	YTE	Vietnamese
2	LE TUAN VO	CLO	39-41	3	12	10	70	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAM HOANG TUNG	CLO	43-45	3	15		65	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN HUY HUNG	CLO	33-34	2	17		63	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN VAN BAC	CLO	32	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
6	YANCHENKO	CLO	35	1	12		80	ANTOAN	Russian
7	TA QUANG MINH	CLO	36-38	3	17		70	XAY LAP	Vietnamese
8	NGUYEN TAT TAM	CLO	42	1	5		60	GETRACO	Vietnamese
9	VO QUANG HUY	VSP01	09-10	2	15		76	KH-THAC	Vietnamese
10	TRUONG THANH PHU	VSP01					70	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN DUY PHUC	P01	04	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
12	GURIN V.V.	VSP01	02	1	10		100	KH-THAC	Russian
13	NGUYEN NGOC LAN	VSP01					70	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAN DUY BINH	VSP01	11	1	4		92	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN BUC THONG	VSP01	06	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN HOANG LONG	VSP01	07	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN VAN MIT	VSP01	03	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN VAN NGHIA	VSP01					72	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN NGOC BE	VSP01	01	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
20	HUYNH VAN THON	VSP01					72	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN QUANG NAM	VSP01	08	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
22	TRAN XUAN THUY	VSP01	05	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO		
1	CLO	8	15	93	533	10	7			
2	VSP01	14	11	64	1.071	0	15			
TOTAL		22	26	157	1.604	10	22			
WEIGHT KG					157	1.604	10			

GRAND TOTAL: 1.771 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

8:18:24AM

30/10/2020

Tang 1/1



FLIGHT MANIFEST



DATE: 30/10/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:45
FLIGHT: 7	TO: RP3	CREW: Nam - Vành - Hieu	ETA: 11:25
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN QUOC CUONG	RP3	17	1	8		81	KHI	Vietnamese
2	LAI VAN MINH	RP3	06	1	3		62	KHI	Vietnamese
3	TA PHI KHANH	RP3					70	KHI	Vietnamese
4	PHAN VAN DAT	RP3	01-02	2	15	60	78	KHI	Vietnamese
5	VU DUY PHUONG	RP3	71	1	8		61	KHI	Vietnamese
6	NGUYEN HUU THIN	RP3	97	1	5		65	KHI	Vietnamese
7	HO TRONG HUY	RP3	21	1	8		80	KHI	Vietnamese
8	HOANG THANH TUYEN	RP3	77	1	10		80	KHI	Vietnamese
9	DO QUOC VU	RP3	72	1	9		61	KHI	Vietnamese
10	DO QUOC PHONG	RP3	76	1	7		76	KHI	Vietnamese
11	NGUYEN THE TOAN	RP3	04	1	9		69	KHI	Vietnamese
12	TRAN DUC TOAN	RP3	09-10	2	14		65	XAYLAP	Vietnamese
13	LE HUY CHUONG	RP3	68-69	2	15		69	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYEN PHUC HIEN	RP3	74-75	2	12		82	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYEN DUY PHUONG	RP3	07-08	2	20		54	XAYLAP	Vietnamese
16	LE XUAN VIET	RP3	11	1	10	12	63	XAYLAP	Vietnamese
17	LE XUAN HIEN	RP3	70	1	15		61	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYEN SY HUA	RP3	14-15	2	13	10	60	T-TIN	Vietnamese
19	NGUYEN XUAN THU	RP3	13	1	9		61	T-TIN	Vietnamese
20	VU VAN THAM	RP3	03	1	6		60	PSV	Vietnamese
21	HO DUC VIET	RP3	73	1	6		71	PSV	Vietnamese
22	NGUYEN TU TOAN	RP3	05	1	5		48	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO		
1	RP3	22	27	207	1.477	82	22			
TOTAL		22	27	207	1.477	82	22			
WEIGHT KG				207	1.477	82				

GRAND TOTAL: 1.766 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 30/10/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 10:00
FLIGHT: 8	TO: PPD - TDI	CREW: DUC - MTHANG - TDUNG	ETA: 11:40
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐẠO ANH TUÂN	PPD	11	1	4	110	67	KHI	Vietnamese
2	NGUYEN HUY TRUONG	PPD	07-08	2	5		63	KHI	Vietnamese
3	NGHIEM XUAN MINH	PPD	05	1	3		60	KHI	Vietnamese
4	BUI NGOC HUONG	PPD	06	1	7		60	KHI	Vietnamese
5	VU VAN CHIEN	PPD	04	1	5		70	KHI	Vietnamese
6	NGUYEN NGOC ANH	PPD	02	1	4		71	KHI	Vietnamese
7	NGUYEN TIEN QUANG	PPD	10	1	5		65	KHI	Vietnamese
8	NGUYEN VAN CHIEN	PPD	03	1	4		53	KHI	Vietnamese
9	ĐẠO VAN DUC	PPD	01	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN VAN DONG	TDI	34-35	2	16		70	DVL	Vietnamese
11	DINH XUAN TOAN	TDI	25	1	18		63	T-TIN	Vietnamese
12	ĐO TAN PHO	TDI	26	1	11		70	T-TIN	Vietnamese
13	LE VAN NGOC	TDI	29	1	5		74	PSV	Vietnamese
14	BUI ĐAC CANH	TDI	27	1	5		63	PSV	Vietnamese
15	HOANG VAN BAY	TDI	33	1	2		57	PSV	Vietnamese
16	TRIEU MINH HONG	TDI	28	1	2		70	PSV	Vietnamese
17	NGUYEN TAT LOC	TDI	38	1	4		57	PSV	Vietnamese
18	ĐAU DUC HUNG	TDI	37	1	4		72	PSV	Vietnamese
19	NGUYEN THANH CONG	TDI	36	1	3		67	PSV	Vietnamese
20	ĐAU VIET BAC	TDI	31	1	5		76	PSV	Vietnamese
21	VU VAN PHUC	TDI	39	1	5		53	PSV	Vietnamese
22	TRAN VI SON	TDI	30	1	5		63	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO		
1	PPD	9	10	41	577	110	2			
2	TDI	13	14	85	855	0	20			
TOTAL		22	24	126	1.432	110	22			
WEIGHT KG					126	1.432	110			

GRAND TOTAL: 1.668 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 30/10/2020	TO: TGT5 - TGT4 - AMD	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:50
FLIGHT: 9	FROM: VT	CREW: HUNG - Khang - Nnam	ETA: 11:30
trang-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DUONG VAN HANH	TGT5	52-53	2	15		65	HLJOC	Vietnamese
2	DANG QUANG DUC	TGT5	14	1	5		64	HLJOC	Vietnamese
3	TRAN MINH KIEN	TGT5	51	1	5		70	HLJOC	Vietnamese
4	BUI VAN HUNG	TGT5	35	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
5	NGO SY DUC	TGT4	69-70	2	17		72	HLJOC	Vietnamese
6	NGUYEN VAN DINH	TGT4	35	1	7		69	KH-THAC	Vietnamese
7	VI TRAN TAN THUAN	TGT4	67-68	2	15		71	KH-THAC	Vietnamese
8	TRAN DINH HIEU	AMD	54	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN HONG LINH	AMD	59	1	4		85	KH-THAC	Vietnamese
10	VU NGOC DUONG	AMD	61	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
11	HOANG HO NGHIA	AMD	55	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
12	VU XUAN DUC	AMD	57-58	2	12		72	KH-THAC	Vietnamese
13	TRAN VAN QUYET	AMD	60	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAM VAN LAM	AMD	53	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN VAN SON	AMD	56	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO		
1	TGT5	4	5	30	269	0	2			
2	TGT4	3	5	39	212	0	3			
3	AMD	8	9	48	562	0	17			
TOTAL		15	19	117	1.043	0	22			
WEIGHT KG				117	1.043	0				

GRAND TOTAL: 1.160 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 30/10/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:55
FLIGHT: 10	TO: P6 - TTC1 - TTC2	CREW: Văn - Mạnh - Dũng	ETA: 11:35
NAU-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
-----	---------	-----	-----	-----	-----	-------	--------	---------	--------

1	NGUYEN VAN THIN	P6	49	1	8				Vietnamese
2	NGUYEN VAN PHU	P6	56	1	4				Vietnamese
3	PHAM VAN DOA	P6							Vietnamese
4	VU THANH DO	P6	57	1	5				Vietnamese
5	NGO VAN SANG	P6	53	1	6	21			Vietnamese
6	TRAN NGUYEN BAO MINH	P6	50	1	4				Vietnamese
7	PHAM NGOC AN	P6	54-55	2	12				Vietnamese
8	BAO KIM SAM	P6	58-59	2	8				Vietnamese
9	NGUYEN TRONG	P6	60	1	5				Vietnamese
10	NGUYEN HUU TOAN	TTC1	70	1	10				Vietnamese
11	PHAM TRUNG THUY	TTC1	27	1	4				Vietnamese
12	NGUYEN HUU HAU	TTC1	71	1	2				Vietnamese
13	BANG LONG HAI	TTC1	72,46	2	15	40			Vietnamese
14	LAM VAN KHUONG	TTC1	54-55	2	12				Vietnamese
15	VU DUC DUNG	TTC1	52	1	10				Vietnamese
16	TO CONG TANH	TTC1	53	1	5				Vietnamese
17	HOANG QUOC BAO	TTC2							Vietnamese
18	HOANG VAN THUC	TTC2	02	1	5				Vietnamese
19	TÀ MẠNH HUNG	TTC2	01	1	2				Vietnamese
20	NGUYEN TUAN MINH	TTC2	99,400	2	18	40			Vietnamese
21	NGUYEN VAN HUYNH	TTC2	03	1	6				Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P6	9	10	52	602	21	4		
2	TTC1	7	9	58	527	40	9		
3	TTC2	5	5	31	329	40	9		
TOTAL		21	24	141	1.458	101	22		
WEIGHT KG				141	1.458	101			

GRAND TOAL: 1.700 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

CAPTAIN

VNH REP.

VSP REP.

1,042 KGS

GRAND TOTAL:

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO		
1	P4	14	14	80	932	30	18 + 2		CHUYEN 1 PAX P4 SANG P7	
2	P7	0	0	0	0	0	2		CHUYEN 1 PAX P4 SANG P1	
3	P1	0	0	0	0	0	2			
TOTAL		14	14	80	932	30	22			
WEIGHT KG						30				

FLIGHT PLAN

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI THANH AN	P4	41	1	10		65	KHI	Vietnamese
2	NGUYEN TRONG KIEM	P4	47	1	5		82	KHI	Vietnamese
3	HOANG VAN HUNG	P4					70	KHI	Vietnamese
4	NGUYEN DUC HANH	P4	54	1	7		70	KHI	Vietnamese
5	NGUYEN QUANG HA	P4	48	1	5		70	KHI	Vietnamese
6	HOANG TRONG TAN	P4	44-45	2	12		72	KHI	Vietnamese
7	BO DUC LONG	P4	52-53	2	10		56	KHI	Vietnamese
8	BUI DANG TIEN	P4	49	1	5		75	KHI	Vietnamese
9	TRINH XUAN HUYEN	P4	43	1	5		71	KHI	Vietnamese
10	TRAN VAN THAI	P4	46	1	5	30	62	KHI	Vietnamese
11	NGUYEN THANH GIAP	P4	42	1	6		60	KHI	Vietnamese
12	PHAM HUU THO	P4	50	1	5		64	KHI	Vietnamese
13	NGUYEN VAN LOAN	P4	51	1	5		45	PSV	Vietnamese
14	DOAN THANH CONG	P4					70	KHI	Vietnamese

DATE: 30/10/2020	TO: P4 - P7 - P1	AIRCRAFT: 426	ETD: 11:55
FLIGHT: 11	FROM: VT	CREW: Phong - NPhu - Toan	ETA: 13:35
xe-h-3			

FLIGHT MANIFEST



CAPTAIN

VNH REP.

VSP REP.

1,845 KGS

GRAND TOTAL:

No.	DESTINATION	PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	REMARK
1	P6	15	18	141	1,083	25	7		
2	P8	7	7	37	499	60	15		
TOTAL		22	25	178	1,582	85	22		
WEIGHT KG				178	1,582	85			

FLIGHT PLAN

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BÀNG THÁI SƠN	P6	73	1	7		84	KH-THAC	Vietnamese
2	CAO MINH HOANG	P6	62-63	2	15		73	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN HUY THONG	P6	65-66	2	15		90	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐÔNG XUÂN PHU	P6	64	1	11		60	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN BÌNH TRỌNG	P6	97	1	8		72	KH-THAC	Vietnamese
6	NGO HOANG NAM	P6	72	1	15		75	KH-THAC	Vietnamese
7	HOANG NGOC HOAI	P6	73-74	2	17		64	XAYLAP	Vietnamese
8	LÊ DINH TÂM	P6	71	1	7		77	XAYLAP	Vietnamese
9	LÊ VĂN QUANG	P6	21-22	2	20		75	XAYLAP	Vietnamese
10	LÊ ANH CƯỜNG	P6				25	75	XAYLAP	Vietnamese
11	ĐINH QUỐC TRƯỜNG	P6	69	1	5		80	GETRACO	Vietnamese
12	NGUYỄN XUÂN QUYNH	P6	67	1	4		65	GETRACO	Vietnamese
13	NGUYỄN NGỌC SƠN	P6	70	1	4		81	GETRACO	Vietnamese
14	LÊ NGUYỄN DUY THỌNG	P6	68	1	5		53	GETRACO	Vietnamese
15	LÊ VĂN HÂN	P6	98	1	8		59	GETRACO	Vietnamese
16	NGUYỄN VIỆT HOA	P8	37	1	5	60	62	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN THANH HOANG	P8	39	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN THANH VINH	P8	38	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
19	TIKHONOV	P8	34	1	7		96	KH-THAC	Russian
20	NGUYỄN TRỌNG TIẾN	P8	35	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN QUANG	P8	36	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
22	HOANG TRUNG HẬU	P8	33	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese

DATE: 30/10/2020	TO: P6 - P8	AIRCRAFT: 410	CREW: Văn - Mạnh - Huy	ETA: 13:45
FLIGHT: 12	FROM: VT			
CAM-3				

FLIGHT MANIFEST





FLIGHT MANIFEST



DATE: 30/10/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:02
FLIGHT: 13	TO: PPD - CLO	CREW: Khang - HUNG - MUÂN	ETA: 13:40
TRANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TÔ QUANG HUY	PPD	24	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
2	LAM NHẬT MINH	PPD	26	1	12		61	CODIEN	Vietnamese
3	DƯƠNG HỮU THUAN	PPD	25	1	5	113	67	CODIEN	Vietnamese
4	LE HUY VINH	PPD	18	1	5		63	KHI	Vietnamese
5	BUI VAN TUAN	PPD	27	1	7		71	KHI	Vietnamese
6	ĐO XUAN LÔI	PPD	28	1	5	117	79	KHI	Vietnamese
7	CAI TRAN HOAI VU	PPD	22-23	2	8		74	PSV	Vietnamese
8	NGUYEN TRONG TOAN	PPD	21	1	5		57	PSV	Vietnamese
9	BUI ĐỨC ANH	PPD	19	1	5		72	PSV	Vietnamese
10	PHẠM VĂN NAM	PPD	20	1	7		60	PSV	Vietnamese
11	HA THE BAO	PPD					80	KHI	Vietnamese
12	NGUYEN VAN TUAN	CLO					80	PSV	Vietnamese
13	LUU VAN TRONG	CLO	47	1	2		56	PSV	Vietnamese
14	HOANG HUU THO	CLO	50	1	3		76	PSV	Vietnamese
15	LE MINH MINH	CLO	48	1	5		70	PSV	Vietnamese
16	LE VAN HUNG	CLO	49	1	2		60	PSV	Vietnamese
17	PHAN MINH TUAN	CLO	51	1	4		73	PSV	Vietnamese
18	PHẠM THANH HUNG	CLO	46	1	4		62	PSV	Vietnamese
19	TRINH VAN GIAP	CLO	52	1	5		50	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO		
1	PPD	11	11	64	752	230	10			
2	CLO	8	7	25	527	0	12			
TOTAL		19	18	89	1.279	230	22			
WEIGHT KG				89	1.279	230				

GRAND TOTAL: 1.598 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 30/10/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 14:05
FLIGHT: 14	TO: BKS - VSP01	CREW: Pheng - Nphu - Toan	ETA: 15:45
XANH-4			

No.	PAXNAME	OBI	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
-----	---------	-----	-----	-----	-----	-------	--------	---------	--------

1	PHAM DINH HUNG	BKS	02	1	9		70	XAYLAP	Vietnamese
2	TRAN NGOC THE	BKS	12	1	15		69	XAYLAP	Vietnamese
3	LE NGOC TUAN	BKS	05	1	8		78	XAYLAP	Vietnamese
4	TRAN MANH WUONG	BKS	06-07	2	17		72	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYEN NGOC PHAT	BKS	10-11	2	19		68	XAYLAP	Vietnamese
6	NGO VAN QUAN	BKS	08-09	2	18		50	XAYLAP	Vietnamese
7	VU DUC THIEN	BKS	13-14	2	18	35	65	XAYLAP	Vietnamese
8	VU MANH THANG	BKS	03-04	2	20		63	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYEN BA NGOC	VSP01	40	1	4		58	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN ANH THANG	VSP01	38	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAM HUY BINH	VSP01	35	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN VAN THUY	VSP01	39	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN QUOC TUAN	VSP01	42	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
14	TRAN LE ANH HUY	VSP01	47	1	5		47	KH-THAC	Vietnamese
15	KIEU VAN TUAN	VSP01	43	1	5		75	PSV	Vietnamese
16	NGUYEN THANH TE	VSP01	37	1	4		52	PSV	Vietnamese
17	DINH VAN LUU	VSP01	48	1	5		75	PSV	Vietnamese
18	HA QUOC VINH	VSP01	45	1	8		73	ALPHA-EO	Vietnamese
19	NGUYEN HAI CHIEN	VSP01	46	1	10		79	ALPHA-EO	Vietnamese
20	HOANG KIM UOC	VSP01	41	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
21	NGO XUAN DUC	VSP01	44	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
22	DOAN VIET DANG	VSP01	44	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO		
1	BKS	8	13	124	535	35	6			
2	VSP01	14	13	76	950	0	16			
TOTAL		22	26	200	1.485	35	22			
WEIGHT KG				200	1.485	35				

GRAND TOTAL: 1.720 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN